TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH H□NG YÊN** ---***--- Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Khoái Châu, ngày 16 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980**

HKTT, trú tại: thôn G, xã H, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn: Anh Vũ Văn N, sinh năm: 1968**

HKTT, trú tại: thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Ng - Phó giám đốc (phụ trách) Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị T, sinh năm 1980, Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K.

Trú tại: Số 44 Lê Văn H, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

- Anh Vũ Văn S, sinh năm 1990

Trú tại: thôn 3, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015*;*

Căn cứ vào các Điều: 51; 55; 57 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, lập ngày 08/7/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đ- ơng sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Vũ Văn N cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Th và anh N không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Thúy tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối trừ số tiền chị Th đã nộp theo Biên lai số: AA/2019/0002250 ngày 09/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, chị Th được hoàn trả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nơi nhận :
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh H- ng Yên;
- VKSND huyện K;
- THA huyện K;
- UBND xã Ô;
- L- u HSVA.

ĐÀO DUY TRĨNH